

Số: /QĐ-UBND

Lạng Sơn, ngày tháng 4 năm 2023

### QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật Dự án đầu tư xây dựng, cải tạo Trạm y tế tuyến xã trên địa bàn huyện Bình Gia

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 29/8/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lạng Sơn về chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây dựng, cải tạo 50 Trạm y tế tuyến xã, tỉnh Lạng Sơn;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 42/TTr-SXD ngày 24/4/2023.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật Dự án đầu tư xây dựng, cải tạo Trạm y tế tuyến xã trên địa bàn huyện Bình Gia, như sau:

1. Tên công trình: Dự án đầu tư xây dựng, cải tạo Trạm y tế tuyến xã trên địa bàn huyện Bình Gia.

2. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch UBND tỉnh Lạng Sơn.

3. Chủ đầu tư: UBND huyện Bình Gia.

4. Mục tiêu đầu tư: đầu tư xây dựng các Trạm y tế nhằm đảm bảo cơ sở vật chất đáp ứng nhu cầu khám, chữa bệnh cho Nhân dân trong các xã: Minh Khai, Tân Hòa, Thiện Thuật, huyện Bình Gia.

## 5. Quy mô đầu tư xây dựng

### a) Trạm y tế xã Minh Khai:

- Phá dỡ công trình hiện trạng gồm: nhà văn hóa cũ, 01 tầng, diện tích xây dựng 58m<sup>2</sup>.

- Xây dựng mới nhà Trạm y tế, 01 tầng, diện tích xây dựng = diện tích sàn 227m<sup>2</sup>.

- Các hạng mục phụ trợ:

+ Xây mới nhà công vụ, 01 tầng, diện tích xây dựng = diện tích sàn 71,4m<sup>2</sup>.

+ Xây mới nhà chứa rác, 01 tầng, diện tích xây dựng = diện tích sàn 9,0m<sup>2</sup>.

+ Xây mới nhà để xe, 01 tầng, diện tích xây dựng = diện tích sàn 40,5m<sup>2</sup>.

+ Cổng, tường rào, kè bê tông.

### b) Trạm y tế xã Tân Hòa:

- Xây dựng mới nhà Trạm y tế, 01 tầng, diện tích xây dựng = diện tích sàn 227m<sup>2</sup>.

- Các hạng mục phụ trợ:

+ Xây mới nhà công vụ, 01 tầng, diện tích xây dựng = diện tích sàn 73m<sup>2</sup>.

+ Xây mới nhà chứa rác, 01 tầng, diện tích xây dựng = diện tích sàn 9,0m<sup>2</sup>.

+ Xây mới nhà để xe, 01 tầng, diện tích xây dựng = diện tích sàn 63m<sup>2</sup>.

+ San nền, sân, cổng, tường rào, kè đá, bể chứa nước, giếng khoan.

### c) Trạm y tế xã Thiện Thuật:

- Xây dựng nhà điều trị bệnh nhân, nhà ăn, nhà bếp phục vụ bệnh nhân, diện tích xây dựng = diện tích sàn 102m<sup>2</sup>.

- Các hạng mục phụ trợ: cổng, tường rào, kè đá.

## 6. Tổ chức tư vấn khảo sát, lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật

a) Trạm y tế xã Minh Khai: Công ty cổ phần Thời Đại (*địa chỉ: số 239, đường Bà Triệu, phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn*).

b) Trạm y tế xã Tân Hòa: Công ty cổ phần Tư vấn và Xây dựng Nhật Nhật (*địa chỉ: số 9C, đường Chu Văn An, phường Vĩnh Trại, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn*).

c) Trạm y tế xã Thiện Thuật: Công ty TNHH Thương mại và Tư vấn xây dựng Tân Minh LS (*địa chỉ: số 29, lô N12, đường Mạc Thị Bưởi, khu tái định cư và dân cư Nam thành phố, xã Mai Pha, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn*).

7. Địa điểm xây dựng: trong khuôn viên khu đất của Trạm y tế các xã: Minh Khai, Tân Hòa, Thiện Thuật, huyện Bình Gia.

#### 8. Diện tích sử dụng đất:

- Trạm y tế xã Minh Khai, huyện Bình Gia: 1.157m<sup>2</sup>.
- Trạm y tế xã Tân Hòa, huyện Bình Gia: 1.173,9m<sup>2</sup>.
- Trạm y tế xã Thiện Thuật, huyện Bình Gia: 2.053,2m<sup>2</sup>.

9. Nhóm dự án, loại, cấp công trình thuộc dự án: nhóm C, loại công trình dân dụng, cấp III.

10. Số bước thiết kế: 01 bước.

11. Danh mục quy chuẩn, tiêu chuẩn chủ yếu áp dụng

- QCVN 10:2014/BXD Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về xây dựng công trình đảm bảo người khuyết tật tiếp cận sử dụng.

- QCVN 05:2008 Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Nhà ở và công trình công cộng - An toàn sinh mạng và sức khỏe.

- QCVN 06:2022/BXD Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về an toàn cháy cho nhà và công trình.

- QCVN 01:2021 Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Quy hoạch xây dựng.

- QCVN 02:2022 Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về số liệu điều kiện tự nhiên dùng trong xây dựng.

- TCVN 7022:2002 Trạm y tế cơ sở - Yêu cầu thiết kế.

- TCVN 5574:2018 Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép - Tiêu chuẩn thiết kế.

- TCVN 5573:2011 Kết cấu gạch đá và gạch đá cốt thép - Tiêu chuẩn thiết kế.

- TCVN 5575:2012 Kết cấu thép - Tiêu chuẩn thiết kế.

- TCVN 2737:2020 Tải trọng và tác động - Tiêu chuẩn thiết kế.

- TCVN 9207:2012 Đường dây dẫn điện trong nhà ở và công trình công cộng - Tiêu chuẩn thiết kế.

- TCVN 9206:2012 Đặt thiết bị điện trong nhà ở và công trình công cộng - Tiêu chuẩn thiết kế.

- TCVN 7114:2008 Chiếu sáng cho hệ thống làm việc trong nhà - Tiêu chuẩn thiết kế.

- TCVN 9385:2012 Chống sét cho công trình xây dựng - Hướng dẫn thiết kế.

- TCVN 4513-1998: Cấp thoát nước trong nhà - Tiêu chuẩn thiết kế

- TCVN 5575:2012 Kết cấu thép - Tiêu chuẩn thiết kế.

12. Các giải pháp thiết kế chủ yếu

12.1. Trạm y tế xã Minh Khai, huyện Bình Gia

12.1.1. Phá dỡ tạo mặt bằng thi công: thực hiện phá dỡ bằng máy kết hợp thủ công công trình nhà văn hóa cũ, cao 01 tầng, diện tích xây dựng 58m<sup>2</sup>. Vận chuyển đổ thải cách vị trí công trình 01km.

#### 12.1.2. Tổng mặt bằng xây dựng

- Trạm y tế xã Minh Khai được xây dựng trên khu đất (diện tích 1.157m<sup>2</sup>), đầu tư xây dựng mới các hạng mục công trình như sau:

+ Xây dựng mới nhà Trạm y tế, cao 01 tầng được bố trí phía Tây Nam của khu đất, mặt đứng chính hướng Đông Bắc.

+ Xây mới nhà công vụ mặt bằng hình chữ nhật, chiều cao 01 tầng được bố trí phía Tây của khu đất, mặt đứng chính hướng Đông.

+ Xây mới nhà chứa rác, cao 01 tầng được bố trí phía Tây Nam của khu đất, mặt đứng chính hướng Bắc.

+ Xây mới nhà để xe được bố trí phía Bắc của khu đất, mặt đứng chính hướng Nam.

- Các chỉ tiêu quy hoạch xây dựng chủ yếu đạt được như sau: mật độ xây dựng 34%; số tầng cao tối đa 01 tầng; hệ số sử dụng đất 0,34 lần.

#### 12.1.3. Giải pháp thiết kế các hạng mục, công trình

##### a) Nhà Trạm y tế:

- Thiết kế kiến trúc: mặt bằng nhà hình chữ L; hành lang rộng 2,3m (tính theo tim tường); mái dốc, lợp tôn dày 0,4mm.

- Thiết kế kết cấu: móng đơn bê tông cốt thép mác 200, kết hợp móng xây bằng gạch không nung vữa xi măng cát mác 50; giằng móng bằng bê tông cốt thép mác 200; hệ cột, dầm, sàn mái bằng bê tông cốt thép mác 200; tường nhà xây gạch bê tông không nung vữa xi măng cát mác 50. Kết cấu đỡ mái bằng xà gồ thép hộp tiết diện (40x80x1,4)mm đặt trên tường thu hồi.

- Thiết kế hoàn thiện: nền các phòng và hành lang lát bằng gạch ceramic kích thước (600x600)mm, nền các phòng vệ sinh + phòng rửa lát bằng gạch chống trơn kích thước (300x300)mm; tường phòng đẽ, phòng rửa, phòng sơ cấp cứu, phòng tiêm, phòng tiệt trùng ốp bằng gạch men kích thước (200x300)mm cao 2,0m. Tường phòng vệ sinh ốp bằng gạch men kích thước (200x300)mm cao 2,0m. Tường trong và ngoài nhà trát bằng vữa xi măng cát mác 50, dày 15mm; trát trần bằng vữa xi măng cát mác 75 dày 15mm; toàn bộ tường, dầm, trần trong và ngoài nhà lăn sơn 01 nước lót 02 nước phủ (không bả). Toàn bộ cửa đi, cửa sổ các phòng sử dụng cửa thép sơn tĩnh điện, kính trắng dày 5mm.

- Thiết kế cấp điện, chiếu sáng: dây dẫn cấp điện cho hạng mục công trình sử dụng dây cáp CU/XPLE/PVC tiết diện (2x16)mm<sup>2</sup> đến tủ điện tổng đặt tại trục B:(4-5). Từ tủ điện tổng của nhà cấp điện đến các phòng, cấp cho đèn, quạt bằng dây dẫn CU/XLPE/PVC tiết diện (2x4)mm<sup>2</sup>; cấp cho ổ cắm bằng dây CU/XLPE/PVC tiết diện (2x2,5)mm<sup>2</sup>. Dây dẫn điện luôn trong ống nhựa xoắn đi ngầm trong tường. Chiếu sáng các phòng sử dụng đèn tuýp led đôi, công suất mỗi

bóng 18w, đèn tuýp led dài 1,2m. Chiều sáng hành lang, phòng vệ sinh sử dụng đèn led ốp trần công suất 20w. Thông gió nhân tạo dùng quạt trần sải cánh 1,4m.

- Thiết kế cấp, thoát nước:

+ Thiết kế cấp nước: nước cấp cho công trình được bơm từ bể chứa nước hiện có bằng máy bơm ( $Q=3\text{m}^3/\text{h}$ ,  $H=25\text{m}$ ) lên téc nước đặt trên sân mái (dung tích téc chứa nước  $2\text{m}^3$ ). Nước cấp xuống các thiết bị dùng nước bằng ống nhựa hàn nhiệt PP-R, đường kính  $d=32\text{mm}$ ,  $d=25\text{mm}$ .

+ Thiết kế thoát nước: nước mưa từ mái tôn dốc chảy xuống sân xung quanh nhà, thoát nước xuống mặt sân bằng ống PVC  $d=110\text{mm}$ ; nước xí tiêu thoát vào bể tự hoại, sau đó thoát ra bể tự ngầm; nước rửa và nước thoát sàn thoát ra bể tự ngầm.

+ Rãnh thoát nước: được bố trí xung quanh nhà Trạm y tế, tiết diện rãnh ( $450\times 520$ )mm, thành rãnh được xây bằng gạch không nung vữa xi măng cát mác 50; đáy rãnh được láng bằng vữa xi măng cát mác 75 dày 1cm; nắp đáy rãnh bằng bê tông cốt thép mác 200.

- Thiết kế chống sét: kim thu sét (03 kim) dùng thép tròn đường kính  $d=12\text{mm}$  dài 1m; dây dẫn sét dùng dây thép tròn đường kính  $d=12\text{mm}$ . Dây nối đất dùng dây thép tròn  $d=18\text{mm}$ . Cọc tiếp địa sử dụng thép hình L( $63\times 63\times 6$ )mm dài 2,5m đặt sâu cách mặt đất 0,8m. Điện trở nối đất  $R_{nd} \leq 10\Omega$ .

- Thiết kế phòng cháy, chữa cháy: bố trí 01 tủ chứa bình chữa cháy bằng kim loại tại trục E (đoạn từ trục 1-2), cao 1,0 so với nền nhà; kích thước tủ ( $500\times 600\times 180$ )mm, mỗi tủ chứa 01 bình bột MFZ4 (4kg) và 02 bình MT3 (4kg); biển nội quy, tiêu lệnh chữa cháy được thiết kế đồng bộ.

b) Nhà công vụ

- Thiết kế kiến trúc: công trình cao 01 tầng, mặt bằng nhà hình chữ nhật, kích thước theo tim tường ( $13,2\times 3,6$ )m; chiều cao nhà 4,76m; chiều cao tôn nền 0,36m. Mái dốc lợp tôn dày 0,4mm.

- Thiết kế kết cấu: móng xây bằng gạch không nung vữa xi măng cát mác 50; giằng móng bằng bê tông cốt thép mác 200; tường nhà xây gạch bê tông không nung vữa xi măng cát mác 50. Kết cấu đỡ mái bằng xà gồ thép hộp tiết diện ( $40\times 80\times 1,4$ )mm đặt trên tường thu hồi.

- Thiết kế hoàn thiện: nền các phòng và hành lang lát bằng gạch ceramic kích thước ( $600\times 600$ )mm, nền các phòng vệ sinh lát gạch chống trơn ( $300\times 300$ )mm. Tường phòng vệ sinh ốp bằng gạch men kích thước ( $200\times 300$ )mm cao 3,0m. Tường trong và ngoài nhà trát bằng vữa xi măng cát mác 50, dày 15mm; trát trần bằng vữa xi măng cát mác 75 dày 15mm; toàn bộ tường, dầm, trần trong và ngoài nhà lăn sơn 01 nước lót 02 nước phủ (không bả). Toàn bộ cửa đi, cửa sổ các phòng sử dụng cửa thép sơn tĩnh điện, kính trắng dày 5mm.

- Thiết kế cấp điện, chiếu sáng: dây dẫn cấp điện cho hạng mục công trình sử dụng dây cáp CU/XPLE/PVC tiết diện  $(2 \times 10) \text{mm}^2$  đến tủ điện tổng đặt tại trục (B-4). Từ tủ điện tổng của nhà cấp điện đến các phòng, cấp cho đèn, quạt bằng dây dẫn CU/XLPE/PVC tiết diện  $(2 \times 2,5) \text{mm}^2$ ; cấp cho ổ cắm bằng dây CU/XLPE/PVC tiết diện  $(2 \times 1,5) \text{mm}^2$ . Dây dẫn điện luôn trong ống nhựa xoắn đi ngầm trong tường. Chiếu sáng các phòng sử dụng đèn tuýp led đôi, công suất mỗi bóng 18w, đèn tuýp led dài 1,2m. Chiếu sáng hành lang, phòng vệ sinh sử dụng đèn led ốp trần công suất 20w. Thông gió nhân tạo dùng quạt trần sai cánh 1,4m.

- Thiết kế cấp, thoát nước:

+ Thiết kế cấp nước: nước cấp cho công trình được lấy từ nhà trạm. Nước cấp xuống các thiết bị dùng nước bằng ống nhựa hàn nhiệt PP-R, đường kính  $d=32\text{mm}$ ,  $d=25\text{mm}$ .

+ Thiết kế thoát nước: nước mưa từ mái tôn dốc chảy xuống sân nô mái xung quanh nhà, thoát nước xuống mặt sân bằng ống PVC  $d=90\text{mm}$ ; nước xí tiêu thoát vào bể tự hoại, sau đó thoát ra bể tự ngầm; nước rửa và nước thoát sàn thoát ra bể tự ngầm.

- Thiết kế chống sét: kim thu sét (03 kim) dùng thép tròn đường kính  $d=16\text{mm}$  dài 1m; dây dẫn sét dùng dây thép tròn đường kính  $d=10\text{mm}$ . Dây nối đất dùng dây thép tròn  $d=20\text{mm}$ . Cọc tiếp địa sử dụng thép hình L $(50 \times 50 \times 5) \text{mm}$  dài 2,5m đặt sâu cách mặt đất 0,8m. Điện trở nối đất  $R_{nd} \leq 10\Omega$ .

- Thiết kế phòng cháy, chữa cháy: bố trí 01 tủ chứa bình chữa cháy bằng kim loại tại trục B (đoạn từ trục 2-3), cao 0,8 so với nền nhà; kích thước tủ  $(650 \times 800 \times 180) \text{mm}$ , mỗi tủ chứa 02 bình bột MFZ4 (4kg) và 02 bình MT3 (4kg); biển nội quy, tiêu lệnh chữa cháy được thiết kế đồng bộ.

c) Nhà chứa rác

- Thiết kế kiến trúc: công trình cao 01 tầng, mặt bằng nhà hình vuông, kích thước theo tim tường  $(2,5 \times 3,3) \text{m}$ ; chiều cao nhà 4,86m; chiều cao tôn nền 0,36m. Mái dốc lợp tôn dày 0,4mm.

- Thiết kế kết cấu: móng xây bằng gạch không nung vữa xi măng cát mác 50; giằng móng bằng bê tông cốt thép mác 200; tường nhà xây gạch bê tông không nung vữa xi măng cát mác 50. Kết cấu đỡ mái bằng xà gồ thép hộp tiết diện  $(30 \times 60 \times 1,1) \text{mm}$  đặt trên tường thu hồi.

- Thiết kế hoàn thiện: nền nhà đổ bê tông xi măng cát mác 150 đá  $(1 \times 2) \text{cm}$  dày 10cm. Tường trong và ngoài nhà trát bằng vữa xi măng cát mác 50, dày 15mm; toàn bộ tường trong và ngoài nhà quét vôi ve màu vàng nhạt. Cửa đi sử dụng cửa khung thép hộp  $(40 \times 40 \times 1,8) \text{mm}$ , cánh cửa làm bằng thép hộp  $(16 \times 16 \times 1,0) \text{mm}$ .

- Thiết kế thoát nước mưa: nước mưa từ mái thoát trực tiếp xuống sân bê tông xây dựng mới, thoát ra ngoài theo độ dốc tự nhiên.

d) Nhà để xe: mặt bằng hình chữ nhật, kích thước (11,5x3,0)m. Chiều cao tôn nền 200mm so với mặt sân; chiều cao nhà 2,72m; mái dốc lợp tôn dày 0,4mm đặt trên hệ xà gồ bằng thép hộp tiết diện (30x60x1,1)mm góc ống thép  $d=(60x1,1)$ mm. Móng cột bằng bê tông mác 200, sâu 0,6m so với mặt sân; cột đỡ mái bằng thép ống  $d=(114x1,4)$ mm được chôn sâu xuống đáy móng; nền nhà để xe bằng bê tông xi măng mác 150, dày 100mm.

e) Các hạng mục khác:

- Cổng: được bố trí trên tuyến ranh giới phía Đông Bắc khu đất, cổng rộng 5,0m (mỗi cánh cổng rộng 2,5m), cổng được thiết kế bởi tổ hợp các thanh thép hộp mạ kẽm tiết diện (40x80x2)mm, (1,4x1,4)mm, cổng có bánh xe. Trụ cổng kích thước (0,6x0,6x3,5)m. Trụ cổng bằng bê tông cốt thép kết hợp xây bằng gạch (*trong đó: phần lõi trụ cổng bằng bê tông cốt thép tiết diện (350x350)mm, bê tông mác 200, phần ngoài xây bằng gạch không nung vữa xi măng cát mác 50*). Móng trụ cổng bằng bê tông cốt thép mác 200. Trát trụ cổng bằng vữa xi măng cát mác 75 dày 1,5cm. Sơn hoàn thiện bằng sơn 1 nước lót, 2 nước phủ.

- Tường rào dài 60m (được xây dựng ở ranh giới phía Đông Bắc khu đất): xây bằng gạch không nung vữa xi măng cát mác 50 (phần tường xây bằng gạch cao 0,6m) kết hợp hoa sắt đặc tiết diện (12x12)mm phía trên tường. Móng tường rào xây bằng gạch không nung, vữa xi măng cát mác 50; trụ tường rào xây bằng gạch không nung, vữa xi măng cát mác 50, trụ xây cao 2,15m. Khoảng cách giữa các tim trụ tường rào là 2,89m.

- Kè bê tông: chiều dài 28m được bố trí ở vị trí trước cổng (cách cổng khoảng 4,0m). Kè được chia làm 3 đoạn gồm từ cọc 1 đến cọc 2 dài 6,47m, từ cọc 2 đến cọc 3 dài 16m, từ cọc 3 đến cọc 4 dài 5,53m. Mặt cắt kè tại các cọc 1 và cọc 4 có kích thước móng cao một bên 0,7m và một bên là 0,9m bề rộng móng là 1,3m, thân kè vị trí chân móng rộng 0,7m và được thu dần về điểm đỉnh kè rộng 0,33m, thân kè cao 0,87m. Mặt cắt kè tại các cọc 2 và cọc 3 có kích thước móng cao một bên 0,7m và một bên là 0,9m bề rộng móng là 1,3m, thân kè vị trí chân móng rộng 0,9m và được thu dần về điểm đỉnh kè rộng 0,33m, thân kè cao 2,52m. Toàn bộ kè được bê tông đá 2x4 mác 150. Phần tiếp giáp giữa thân kè và móng kè bố trí các thanh thép D18 khoảng cách là 1,5m để liên kết giữa thân kè và móng kè. Ngoài ra phần thân kè được đặt các ống thoát nước PVC  $d=60$ mm với khoảng cách là 1,5m một điểm ống để thoát nước.

## 12.2. Trạm y tế xã Tân Hòa, huyện Bình Gia

### 12.2.1. Tổng mặt bằng xây dựng

- Trạm y tế xã Tân Hòa được xây dựng trên khu đất có diện tích 1.173,9m<sup>2</sup>, đầu tư xây dựng mới các hạng mục công trình như sau:

+ Xây dựng mới nhà Trạm y tế, 01 tầng được bố trí phía Nam của khu đất, mặt đứng chính hướng Đông Bắc.

+ Xây mới nhà công vụ hình chữ nhật, 01 tầng được bố trí phía Bắc của khu đất, mặt đứng chính hướng Tây Nam.

+ Xây mới nhà chứa rác, 01 tầng được bố trí phía Đông của khu đất, mặt đứng chính hướng Bắc.

+ Xây mới nhà để xe được bố trí phía Tây Bắc của khu đất, mặt đứng chính hướng Nam.

+ Sân bê tông ở chính giữa khu đất, diện tích 518m<sup>2</sup>.

+ Bể chứa nước, kích thước (2,5x2,0x1,6)m, bố trí ở phía Đông Bắc khu đất thực hiện dự án.

- Các chỉ tiêu quy hoạch xây dựng chủ yếu đạt được như sau: mật độ xây dựng 40%; số tầng cao tối đa 01 tầng; hệ số sử dụng đất 0,36 lần.

### 12.2.2. Giải pháp thiết kế các hạng mục, công trình

a) Giải pháp thiết kế xây dựng hạng mục san nền, tạo mặt bằng xây dựng công trình, cụ thể:

- Tổng diện tích đất san nền: 1.173,9m<sup>2</sup>.

- Cao độ san nền thiết kế: điểm cao nhất +202,7m; điểm thấp nhất +198,2m.

- Độ dốc và hướng dốc san nền: độ dốc  $i=1\%$ , hướng thoát nước mặt chủ yếu thoát theo hướng từ Đông Bắc sang Tây Nam.

- Đào, san nền được thi công bằng máy; khối lượng đào đất là 643m<sup>3</sup>, khối lượng đắp đất nền là 90m<sup>3</sup>, độ chặt đất đắp  $k=0,9$ .

#### b) Nhà Trạm y tế

- Thiết kế kiến trúc: mặt bằng nhà hình chữ L, kích thước theo tim tường (20,5m x 8,5m)+(9,9m x 7,3)m; hành lang rộng 2,3m (tính theo tim tường); chiều cao nhà 5,86, chiều cao tôn nền 0,36m; mái dốc, lợp tôn dày 0,4mm.

- Thiết kế kết cấu: móng đơn bê tông cốt thép mác 200, kết hợp móng xây bằng gạch không nung vữa xi măng cát mác 50; giằng móng bằng bê tông cốt thép mác 200; hệ cột, dầm, sàn mái bằng bê tông cốt thép mác 200; tường nhà xây gạch bê tông không nung vữa xi măng cát mác 50. Kết cấu đỡ mái bằng xà gồ thép hộp tiết diện (40x80x1,4)mm đặt trên tường thu hồi.

- Thiết kế hoàn thiện: nền các phòng và hành lang lát bằng gạch ceramic kích thước (600x600)mm, nền các phòng vệ sinh + phòng rửa lát bằng gạch chống trơn kích thước (300x300)mm; tường phòng để, phòng kế hoạch hóa gia đình ốp gạch men (300x600)mm đến sát trần; tường các phòng còn lại ốp gạch men (300x600)mm, cao 1,8m. Tường trong và ngoài nhà trát bằng vữa xi măng cát mác 50, dày 15mm; trát trần bằng vữa xi măng cát mác 75 dày 15mm; toàn bộ tường, dầm, trần trong và ngoài nhà lăn sơn 01 nước lót 02 nước phủ (không bả). Toàn bộ cửa đi, cửa sổ các phòng sử dụng cửa thép sơn tĩnh điện, kính trắng dày 5mm.

- Thiết kế cấp điện, chiếu sáng: nguồn điện cấp cho công trình được lấy từ cột điện hạ áp cách công trình khoảng 15m, phía Đông khu đất, sử dụng dây dẫn cấp điện cho hạng mục công trình sử dụng dây cáp CU/XPLE/PVC tiết diện (2x16)mm<sup>2</sup> đến tủ điện tổng đặt tại trục B:(4-5). Tủ điện tổng của nhà cấp



điện đến các phòng, cấp cho đèn, quạt bằng dây dẫn CU/XLPE/PVC tiết diện  $(2 \times 4) \text{mm}^2$ ; cấp cho ổ cắm, bóng đèn bằng dây CU/XLPE/PVC tiết diện  $(2 \times 2,5) \text{mm}^2$  và  $(2 \times 1,5) \text{mm}^2$ . Dây dẫn điện luồn trong ống nhựa xoắn đi ngầm trong tường. Chiều sáng các phòng sử dụng đèn tuýp led đôi, công suất mỗi bóng 18w, đèn tuýp led dài 1,2m. Chiều sáng hành lang, phòng vệ sinh sử dụng đèn led ốp trần công suất 18w. Thông gió nhân tạo dùng quạt trần sải cánh 1,4m.

- Thiết kế cấp, thoát nước:

+ Cấp nước: nước cấp cho công trình được bơm từ bể chứa nước hiện có bằng máy bơm ( $Q=3 \text{m}^3/\text{h}$ ,  $H=25\text{m}$ ) lên téc nước đặt trên sàn mái (dung tích téc chứa nước  $2 \text{m}^3$ ). Nước cấp xuống các thiết bị dùng nước bằng ống nhựa hàn nhiệt PP-R, đường kính  $d=32\text{mm}$ .

+ Thoát nước: nước mưa từ mái tôn dốc chảy xuống sê nô mái xung quanh nhà, thoát nước xuống mặt sân bằng ống PVC  $d=110\text{mm}$ ; nước xí tiêu thoát vào bể tự hoại, sau đó thoát ra bể tự ngầm; nước rửa và nước thoát sàn thoát ra bể tự ngầm.

+ Rãnh thoát nước: được bố trí xung quanh nhà Trạm y tế, tiết diện rãnh  $(450 \times 500) \text{mm}$ , thành rãnh được xây bằng gạch không nung vữa xi măng cát mác 50; đáy rãnh được láng bằng vữa xi măng cát mác 75 dày 1cm; nắp đáy rãnh bằng bê tông cốt thép mác 200.

- Thiết kế chống sét: kim thu sét (04 kim) dùng thép tròn đường kính  $d=16\text{mm}$  dài 1m; dây dẫn sét dùng dây thép tròn đường kính  $d=10\text{mm}$ . Dây nối đất dùng dây thép tròn  $d=12\text{mm}$ . Cọc tiếp địa sử dụng thép hình L  $(63 \times 63 \times 6) \text{mm}$  dài 2,5m đặt sâu cách mặt đất 0,8m. Điện trở nối đất  $R_{nđ} \leq 10\Omega$ .

- Thiết kế phòng cháy, chữa cháy: bố trí 01 tủ chứa bình chữa cháy bằng kim loại tại trục E (đoạn từ trục 2-3), cao 1,0 so với nền nhà; kích thước tủ  $(600 \times 800 \times 200) \text{mm}$ , mỗi tủ chứa 02 bình bột MFZ4 (4kg) và 02 bình MT3 (4kg); biển nội quy, tiêu lệnh chữa cháy được thiết kế đồng bộ.

c) Nhà công vụ

- Thiết kế kiến trúc: công trình cao 01 tầng, mặt bằng nhà hình chữ nhật, kích thước theo tim tường  $(10,2 \times 6,8) \text{m}$ ; chiều cao nhà 5,66m; chiều cao tôn nền 0,36m. Mái dốc lợp tôn dày 0,4mm.

- Thiết kế kết cấu: móng xây bằng gạch không nung vữa xi măng cát mác 50; giằng móng bằng bê tông cốt thép mác 200; hệ cột, dầm, sàn mái bằng bê tông cốt thép mác 200; tường nhà xây gạch bê tông không nung vữa xi măng cát mác 50. Kết cấu đỡ mái bằng xà gồ thép hộp tiết diện  $(80 \times 40 \times 1,4) \text{mm}$  đặt trên tường thu hồi.

- Thiết kế hoàn thiện: nền các phòng và hành lang lát bằng gạch ceramic kích thước  $(600 \times 600) \text{mm}$ , nền các phòng vệ sinh lát gạch chống trơn  $(300 \times 300) \text{mm}$ . Tường phòng vệ sinh ốp bằng gạch men kích thước  $(300 \times 600) \text{mm}$  cao 1,8m. Tường trong và ngoài nhà trát bằng vữa xi măng cát mác 50, dày 15mm; trát trần bằng vữa xi măng cát mác 75 dày 15mm; toàn bộ

tường, dầm, trần trong và ngoài nhà lấn sơn 01 nước lót 02 nước phủ (không bả). Toàn bộ cửa đi, cửa sổ các phòng sử dụng cửa thép sơn tĩnh điện, kính trắng dày 5mm.

- Thiết kế cấp điện, chiếu sáng: dây dẫn cấp điện cho hạng mục công trình sử dụng dây cáp CU/XPPE/PVC tiết diện  $(2 \times 6) \text{mm}^2$  đến tủ điện tổng đặt tại trục B:(3-4). Từ tủ điện tổng của nhà cấp điện đến các phòng, cấp cho đèn, quạt bằng dây dẫn CU/XLPE/PVC tiết diện  $(2 \times 2,5) \text{mm}^2$ ; cấp cho ổ cắm bằng dây CU/XLPE/PVC tiết diện  $(2 \times 1,5) \text{mm}^2$ . Dây dẫn điện luôn trong ống nhựa xoắn đi ngầm trong tường. Chiếu sáng các phòng sử dụng đèn tuýp led đơn, công suất 40w, đèn tuýp led dài 1,2m. Chiếu sáng hành lang, phòng vệ sinh sử dụng đèn led ốp trần công suất 18w. Thông gió nhân tạo dùng quạt trần sải cánh 1,4m.

- Thiết kế cấp, thoát nước:

+ Thiết kế cấp nước: nước cấp cho công trình được bơm từ bể chứa nước hiện có bằng máy bơm ( $Q=3 \text{m}^3/\text{h}$ ,  $H=25 \text{m}$ ) lên téc nước đặt trên sân mái (dung tích téc chứa nước  $1 \text{m}^3$ ). Nước cấp xuống các thiết bị dùng nước bằng ống nhựa hàn nhiệt PP-R, đường kính  $d=32 \text{mm}$ .

+ Thiết kế thoát nước: nước mưa từ mái tôn dốc chảy xuống sân mái xung quanh nhà, thoát nước xuống mặt sân bằng ống PVC  $d=110 \text{mm}$ ; nước xí tiêu thoát vào bể tự hoại, sau đó thoát ra bể tự ngầm; nước rửa và nước thoát sàn thoát ra bể tự ngầm.

d) Nhà chứa rác

- Thiết kế kiến trúc: công trình cao 01 tầng, mặt bằng nhà hình vuông, kích thước theo tim tường  $(2,5 \times 2,5) \text{m}$ ; chiều cao nhà 4,35m; chiều cao tôn nền 0,15m. Mái dốc lợp tôn dày 0,4mm.

- Thiết kế kết cấu: móng xây bằng gạch không nung vữa xi măng cát mác 50; giằng móng bằng bê tông cốt thép mác 200; tường nhà xây gạch bê tông không nung vữa xi măng cát mác 50. Kết cấu đỡ mái bằng xà gồ thép hộp tiết diện  $(80 \times 40 \times 1,4) \text{mm}$  đặt trên tường thu hồi.

- Thiết kế hoàn thiện: nền nhà đổ bê tông xi măng cát mác 200 đá  $(1 \times 2) \text{cm}$  dày 10cm. Tường trong và ngoài nhà trát bằng vữa xi măng cát mác 50, dày 15mm; toàn bộ tường trong và ngoài nhà quét vôi ve màu vàng nhạt. Cửa đi sử dụng cửa khung thép hộp  $(36 \times 80 \times 1,2) \text{mm}$ , cánh cửa làm bằng thép hộp  $(16 \times 16 \times 1,0) \text{mm}$ .

- Thiết kế thoát nước mưa: nước mưa từ mái thoát trực tiếp xuống sân bê tông xây dựng mới.

e) Các hạng mục phụ trợ khác: Sân, công, tường rào, kè đá, đường bê tông vào trạm, bể chứa nước, giếng khoan

- Sân bê tông: diện tích  $518 \text{m}^2$ ; kết cấu từ trên xuống dưới, gồm: bê tông đá  $(2 \times 4) \text{cm}$ , dày 100mm, lớp bạt dứa; đệm cát dày 20mm, đầm chặt  $k=90$ ; lớp đất tự nhiên.

- Kè đá hộc và tường rào:

+ Tường rào đoạn AB (phía Bắc khu đất) và đoạn CD (phía Đông Nam khu đất): chiều dài 57,6m, sử dụng bê tông lót đá (2x4)cm mác 150 dày 100 mm, xây móng và tường kè bằng đá hộc vữa xi măng mác 100, chân kè rộng 1000mm, đỉnh kè rộng 500mm, kè cao 2200mm, làm tầng lọc đá 3 lớp (*lớp cát, lớp cuội, lớp đá dăm hoặc sỏi*), lắp đặt ống thoát nước PVC d=60mm theo tầng lọc. Tường rào đổ giằng bê tông cốt thép đá (1x2)cm mác 200; xây tường bằng gạch không nung vữa xi măng mác 50 (phần xây bằng gạch cao 0,4m; tường xây 210mm) trụ bằng ống mạ kẽm d= (59,9x2,5)mm, cao 1,2m lắp đặt khung thép lưới mắt cáo B40; khoảng cách các trụ tường rào từ 2,5m đến 3,5m.

+ Tường rào đoạn AF (phía Tây khu đất), đoạn BC (phía Đông khu đất) và đoạn DE (phía Nam khu đất): chiều dài 65,02m, sử dụng bê tông lót đá (2x4)cm mác 150 dày 100mm, xây móng và tường bằng gạch không nung vữa xi măng mác 50 (*phần xây bằng gạch cao 0,4m; tường xây 210mm*), tường rào đổ giằng bê tông cốt thép đá (1x2)cm mác 200, trát tường trong và ngoài bằng vữa xi măng mác 75, lăn sơn 1 nước lót 2 nước phủ; xây tường gạch, lắp đặt khung thép lưới mắt cáo B40; khoảng cách các trụ tường rào từ 2,5m đến 3,5m.

- Đường bê tông dẫn vào trạm: đường bê tông xi măng trên nền đường đất hiện trạng, chiều dài tuyến 556,73m (từ Km0+0,0m đến Km0+556,73m); bề rộng nền đường 4,0m, bề rộng mặt đường 3,0m; kết cấu đường bằng bê tông xi măng. Kết cấu từ trên xuống dưới như sau: mặt đường bê tông xi măng mác 250 dày 18cm, lớp bạt dứa chống thấm, lớp móng cấp phối đá dăm loại II dày 10cm, đất nền đầm chặt k=0,95; đất nền tự nhiên.

- Bể chứa nước xây dựng nổi, kích thước bể kích thước (2,5x2x1,6)m; lót móng bằng bê tông đá (2x4)cm, mác 150, dày 10cm; đáy bể bằng bê tông cốt thép đá (1x2)cm, mác 200, dày 10cm; nắp bể bằng bê tông cốt thép đá (1x2)cm, mác 200, dày 10cm; thành bể xây bằng gạch dày 220mm; trát bể bằng vữa xi măng mác 75, dày 1,5cm. Xây 02 hộc chứa máy bơm bằng gạch không nung, trát bằng vữa xi măng mác 75, dày 1,5cm.

- Giếng khoan: độ sâu 50m, đường kính lỗ khoan d= 300mm; lắp đặt hệ thống ống hút nước bằng các ống PVC d=140mm, PVC d=125mm, PVC d=40mm và các phụ kiện PVC (vị trí giếng khoan ở phía Đông Bắc khu đất, gần bể nước).

### 12.3. Trạm y tế xã Thiện Thuật, huyện Bình Gia

#### 12.3.1. Tổng mặt bằng xây dựng

- Trạm y tế xã Thiện Thuật được xây dựng trên khu đất có diện tích 2.053,2m<sup>2</sup>).

+ Xây mới nhà điều trị bệnh nhân (nhà ăn, nhà bếp phục vụ bệnh nhân), 01 tầng được bố trí ở phía Nam khu đất, mặt đứng chính hướng Tây.

+ Cổng: được bố trí trên tuyến ranh giới phía Nam khu đất.

+ Tường rào: được xây dựng ở ranh giới phía Nam và phía Tây khu đất

- Các chỉ tiêu quy hoạch xây dựng chủ yếu đạt được như sau: mật độ xây dựng 34%; số tầng cao tối đa 01 tầng; hệ số sử dụng đất 0,34 lần.

### 12.3.2. Giải pháp thiết kế các hạng mục, công trình

#### a) Nhà điều trị bệnh nhân.

- Thiết kế kiến trúc: công trình 01 tầng, mặt bằng nhà hình chữ nhật, kích thước theo tim tường (5,48x10,08)m; chiều cao nhà 5,46m; chiều cao tôn nền 0,36m. Mái dốc lợp tôn dày 0,4mm.

+ Thiết kế kết cấu: móng xây bằng gạch không nung vữa xi măng cát mác 50; giằng móng bằng bê tông cốt thép mác 200; hệ cột, dầm, sàn mái bằng bê tông cốt thép mác 200; tường nhà xây gạch bê tông không nung vữa xi măng cát mác 50. Kết cấu đỡ mái bằng xà gồ thép hộp tiết diện (40x80x1,4)mm đặt trên tường thu hồi.

- Thiết kế hoàn thiện: nền các phòng và hành lang lát bằng gạch ceramic kích thước (600x600)mm, nền các phòng vệ sinh lát gạch chống trơn (300x300)mm. Tường phòng vệ sinh ốp bằng gạch men kích thước (300x450)mm cao 2,34m. Tường trong và ngoài nhà trát bằng vữa xi măng cát mác 50, dày 15mm; trát trần bằng vữa xi măng cát mác 75 dày 15mm; toàn bộ tường, dầm, trần trong và ngoài nhà lăn sơn 01 nước lót 02 nước phủ (không bả). Toàn bộ cửa đi, cửa sổ các phòng sử dụng cửa thép sơn tĩnh điện, kính trắng dày 5mm.

- Thiết kế cấp điện, chiếu sáng: nguồn điện cấp cho công trình lấy từ cột điện hạ thế phía Nam khu đất thực hiện dự án, dây cáp điện cho công trình sử dụng dây cáp CU/XPLE/PVC tiết diện (2x16)mm<sup>2</sup> đến tủ điện tổng đặt tại trục B:(4-5). Từ tủ điện tổng của nhà cấp điện đến các phòng, cấp cho đèn, quạt bằng dây dẫn CU/XLPE/PVC tiết diện (2x4)mm<sup>2</sup>; cấp cho ổ cắm bằng dây CU/XLPE/PVC tiết diện (2x2,5)mm<sup>2</sup>. Dây dẫn điện luôn trong ống nhựa xoắn đi ngầm trong tường. Chiếu sáng các phòng sử dụng đèn tuýp led đôi, công suất mỗi bóng 18w, đèn tuýp led dài 1,2m. Chiếu sáng hành lang, phòng vệ sinh sử dụng đèn led ốp trần công suất 20w. Thông gió nhân tạo dùng quạt trần sai cánh 1,4m.

- Bể chứa nước: được bố trí ở phía Bắc khu đất, bể đặt nổi trên sân. Kích thước bể (2,0x4,0x1,45)m; lót đáy bể bằng bê tông đá (4x6)cm, mác 150; đáy bể láng vữa xi măng mác 100, dày 2cm có đánh màu; nắp bể bằng tấm đan bê tông cốt thép mác 200 dày 7cm; thành bể xây bằng gạch không nung vữa xi măng cát mác 50; trát trong và ngoài bể bằng vữa xi măng cát mác 75, dày 1,5cm.

#### - Thiết kế cấp, thoát nước

+ Thiết kế cấp nước: nước cấp cho công trình được bơm từ bể chứa nước xây mới bằng máy bơm (Q=3m<sup>3</sup>/h, H=25m) lên téc nước đặt trên sàn mái (dung tích téc chứa nước 2m<sup>3</sup>). Nước cấp xuống các thiết bị dùng nước bằng ống nhựa hàn nhiệt PP-R, đường kính d=32mm.

+ Thiết kế thoát nước: nước mưa từ mái tôn dốc chảy xuống sân nô mái xung quanh nhà, thoát nước xuống mặt sân bằng ống PVC  $d=90\text{mm}$ ; nước xí tiêu thoát vào bể tự hoại, sau đó thoát ra bể tự ngầm; nước rửa và nước thoát sàn thoát ra bể tự ngầm.

- Thiết kế chống sét: kim thu sét (03 kim) dùng thép tròn đường kính  $d=16\text{mm}$  dài 1m; dây dẫn sét dùng dây thép tròn đường kính  $d=12\text{mm}$ . Dây nối đất dùng dây thép tròn  $d=18\text{mm}$ . Cọc tiếp địa sử dụng thép hình L( $63\times 63\times 6$ )mm dài 2,5m đặt sâu cách mặt đất 0,8m. Điện trở nối đất  $R_{nđ} \leq 10\Omega$ .

- Thiết kế phòng cháy, chữa cháy: bố trí 01 tủ chứa bình chữa cháy bằng kim loại tại trục B (đoạn từ trục 3-4), cao 0,8 so với nền nhà; kích thước tủ ( $400\times 550\times 220$ )mm, tủ chứa 01 bình bột MFZ4 (4kg) và 01 bình MT3 (4kg); biển nội quy, tiêu lệnh chữa cháy được thiết kế đồng bộ.

b) Các hạng mục phụ trợ khác: cổng, tường rào, kè đá

- Cổng: được bố trí trên tuyến ranh giới phía Nam khu đất, cổng rộng 4,5m (mỗi cánh cổng rộng 2,25m), cổng được thiết kế bởi tổ hợp các thanh thép hộp mạ kẽm tiết diện ( $60\times 30\times 1,4$ )mm, ( $26\times 13\times 1,2$ )mm, cổng có bánh xe. Trụ cổng kích thước ( $0,6\times 0,6\times 3,5$ )m. Trụ cổng bằng bê tông cốt thép kết hợp xây bằng gạch (*trong đó: phần lõi trụ cổng bằng bê tông cốt thép tiết diện ( $300\times 300$ )mm, bê tông mác 200, phần ngoài xây bằng gạch không nung vữa xi măng cát mác 50*). Móng trụ cổng bằng bê tông cốt thép mác 200. Trát trụ cổng bằng vữa xi măng cát mác 75 dày 1,5cm. Sơn hoàn thiện bằng sơn 1 nước lót, 2 nước phủ.

- Tường rào: chiều dài 220m (được xây dựng ở ranh giới phía Nam và phía Tây khu đất), sử dụng bê tông lót đá ( $2\times 4$ )cm mác 150 dày 100 mm; móng và thân tường xây bằng gạch không nung vữa xi măng mác 50, trát tường trong và ngoài bằng vữa xi măng mác 75, lăn sơn 1 nước lót 2 nước phủ; trụ tường rào xây bằng gạch không nung, vữa xi măng cát mác 50, trụ xây cao 1,8m, tường rào cao 1,8m. Khoảng cách giữa các tim trụ tường rào là 3,0m.

- Kè chắn đất: chiều dài 30m (phía Đông khu đất), chiều cao kè 2,0m; móng và thân kè sử dụng bê tông đá ( $2\times 4$ )cm, mác 150; lắp đặt ống thoát nước PVC  $d=90\text{mm}$  theo tầng, chân kè rộng 800mm, đỉnh kè rộng 300mm.

13. Dự toán xây dựng công trình: 11.999.838.264 đồng, trong đó:

- Chi phí xây dựng	9.898.704.819 đồng;
- Chi phí Quản lý dự án	310.099.426 đồng;
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	1.002.304.588 đồng;
- Chi phí khác	116.553.177 đồng;
- Chi phí GPMB	389.000.000 đồng;
- Chi phí dự phòng	283.176.254 đồng.

14. Thời gian thực hiện dự án: năm 2022-2023.

15. Nguồn vốn đầu tư:

- Vốn ngân sách trung ương thuộc Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội: 10.000.000.000 đồng.

- Vốn ngân sách huyện : 1.999.838.264 đồng.

16. Hình thức tổ chức quản lý dự án: Chủ đầu tư tự thực hiện quản lý dự án.

**Điều 2.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Y tế, Xây dựng, Giám đốc Kho bạc Nhà nước Lạng Sơn, Chủ tịch UBND huyện Bình Gia và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***

- Như Điều 2;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ban Kinh tế - Ngân sách (HĐND tỉnh);
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các PVP UBND tỉnh, các phòng CM, Trung tâm Thông tin;
- Lưu: VT, KT<sub>(CVĐ)</sub>.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Dương Xuân Huyền**